

Đơn vị: Công Ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam  
Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04,

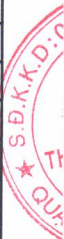
Mẫu số: B01a - DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>146,986,421,151</b>	<b>49,777,028,751</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>30,756,033,584</b>	<b>4.360.629.326</b>
1. Tiền	111	5	30,756,033,584	4.360.629.326
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>76,241,246,491</b>	<b>24,123,230,236</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	6	58,437,245,412	11.011.137.575
2. Trả trước cho người bán	132		68.983.530	22.368.954
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	17.560.309.182	12.173.452.921
6. Các khoản phải thu khác	136	8	829,578,370	916,270,786
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	9	-654,870,003	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>39,778,329,772</b>	<b>21,239,235,436</b>
1. Hàng tồn kho	141		39,979,381,742	21,440,287,406
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-201.051.970	-201.051.970
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>210,811,304</b>	<b>53,933,753</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	118,881,662	53,933,753
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.048.142	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	12	73,881,500	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>20,537,901,802</b>	<b>20,662,855,027</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-740,959,583</b>	<b>-798,748,073</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Các khoản phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	13	-740,959,583	-798,748,073
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>413.877.077</b>	<b>562.369.319</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>14</b>	<b>413.877.077</b>	<b>562.369.319</b>
- Nguyên giá	222		2.828.662.396	2.828.662.396
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-2.414.785.319	-2.266.293.077
<b>2. Tài sản cố định đi thuê tài chính</b>	<b>224</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	228		34.000.000	34.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-34.000.000	-34.000.000



TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguyên giá	231		0	0
2. Giải trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn khác</b>	<b>240</b>		<b>527,709,440</b>	<b>527,709,440</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		527,709,440	527,709,440
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.329.000.000</b>	<b>3.329.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	16	3.329.000.000	3.329.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17,008,274,868</b>	<b>17,042,524,341</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	124,435,428	158,684,901
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		16,883,839,440	16,883,839,440
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>167,524,322,953</b>	<b>70,439,883,778</b>
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>114,576,166,788</b>	<b>15,572,420,435</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>114,576,166,788</b>	<b>15,572,420,435</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	87,473,610,712	9.941.821.513
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	6.733.609.527	264.123.563
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	1,239,333,897	707,114,046
4. Phải trả người lao động	314		2,751,964,146	969,738,368
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	4,630,080,827	1,920,684,992
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	104.737.280	610.426.245
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	11.408.043.357	1.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		234,787,042	158.511.708
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		0	0
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn phải trả lại	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>52,948,156,165</b>	<b>54,867,463,343</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>52,948,156,165</b>	<b>54,867,463,343</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	24	44.050.000.000	44.050.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		44.050.000.000	44.050.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của CSH	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	24	-200.000.000	-200.000.000
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	24	5.320.112.782	5.320.112.782
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	3,778,043,383	5,697,350,561
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		0	0
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3,778,043,383	5,697,350,561
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
<b>II. Nguồn vốn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCD	432		0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>167,524,322,953</b>	<b>70,439,883,778</b>

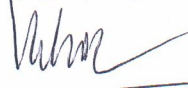
Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Nguyễn Mai Hoa

TP.Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2015

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên)



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

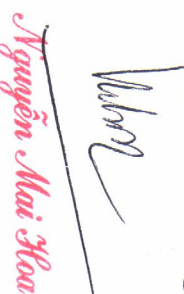
(Quý II năm 2015)

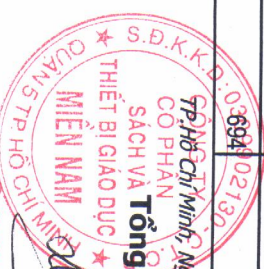
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý II		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	209,863,683,573	189 115 010 167	226,455,040,260	201 999 496 203
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	116,180,520	130 503 386	184,481,776	279 624 184
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		209,747,503,053	188 984 506 781	226,270,558,484	201 719 872 019
4. Giá vốn hàng bán	11	27	191,056,934,360	174 175 194 436	205,810,781,834	185 539 123 776
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		18,690,568,693	14 809 312 345	20,459,776,650	16 180 748 243
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	378,656,542	387 343 093	774 157 071	449 527 074
7. Chi phí tài chính	22	29	1,299,155,997	1 812 712 681	1 340 128 219	1 812 712 681
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		227,779,178	2 133 333	268 751 400	2 133 333
8. Chi phí bán hàng	24	30	6,834,496,880	6 439 680 446	7,756,930,685	7 145 743 275
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	31	5,358,054,741	3 257 396 899	7,056,762,694	4 541 844 506
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30	32	5,577,517,617	3 686 865 412	5,080,112,123	3 129 974 855
11. Thu nhập khác	31	33	130,500,621	342 652 592	130 500 621	380 250 683
12. Chi phí khác	32	34	48,999,200	225 440 606	69 244 170	321 264 669
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		81,501,421	117 211 986	61 256 451	58 986 014
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	35	5,659,019,038	3 804 077 398	5,141,368,574	3 188 960 869
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	1,200,526,646	753,315,391	1,208,775,752	753 315 391
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	35	4,458,492,392	3,050,762,007	3,932,592,822	2 435 645 478
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	36	1,110	0,894,021,30	762	557

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 05 tháng 07 năm 2015

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Phương pháp trực tiếp)

Tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		172,944,074,803	162,238,081,181
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-140,954,089,472	-138,202,636,159
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-4,266,043,969	-3,173,559,155
4. Tiền chi trả lãi vay	04		0	-2,133,333
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-369,710,082	-209,435,348
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		574,779,081	421,551,325
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-4,928,468,309	-993,139,225
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>23,000,542,052</b>	<b>20,078,729,286</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-11,000,000,000	-16,000,000,000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3,030,000,000	500,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	500,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		219,262,206	431,131,458
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>-7,750,737,794</b>	<b>-14,568,868,542</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	-200,000,000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		13,485,000,000	300,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		0	-300,000,000
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-2,339,400,000	-1,954,000,000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>11,145,600,000</b>	<b>-2,154,000,000</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>26,395,404,258</b>	<b>3,355,860,744</b>
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		4,360,629,326	3,015,640,164
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>VII.34</b>	<b>30,756,033,584</b>	<b>6,371,500,908</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 05 tháng 07 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Mai Hoa*

*[Handwritten signature]*

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309902130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/04/2010. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 09/02/2015. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 44.050.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2015 của Công ty là 44.050.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 53,12% vốn điều lệ.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Thương mại và dịch vụ.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Biên tập, biên soạn sách, dịch thuật (trừ xuất bản sách).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách các Công ty liên kết:

- Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa Vũng Tàu
- Công ty CP Sách TBGD Bình Dương

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.2 Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản cho vay**

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản cho vay là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

##### **Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận ban đầu đối với các khoản đầu tư là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật

### *Dự phòng*

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc thiết bị	2
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

### **4.6 Tài sản cố định vô hình**

#### **Các tài sản cố định vô hình khác**

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Trang Web công ty	4

### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **4.8 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

### **4.9 Vay và các khoản nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.10 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty gồm:

- Chiết khấu thanh toán nhanh phải trả: chi phí phải trả được xác định theo số tiền khách hàng trả trước tiền hàng nhân cho số ngày trả trước và lãi suất quy định.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Chi phí nhuận bút: được xác định theo tỷ lệ nhuận bút thỏa thuận và phí giao thầu cho từng bộ sách, trong đó tỷ lệ thỏa thuận được quy định trong Hợp đồng hoặc Biên bản thỏa thuận giữa các công ty sách trong Tập đoàn.
- Chi phí vận chuyển: chi phí phải trả được xác định dựa trên khối lượng vận chuyển sách trong kỳ và đơn giá vận chuyển theo từng tỉnh thành.
- Chi phí khác: được xác định dựa trên giá trị Hợp đồng đã ký với nhà cung cấp.

### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp.

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### **4.12 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế

### **4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được xem là sự kiện cần điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

### **4.14 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,...

### **4.15 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT: Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, tủ điện áp dụng mức thuế suất 5%; Các mặt hàng khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### **4.19 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

#### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2015	31/12/2014
Tiền mặt	396,660,899	238,906,934
Tiền gửi ngân hàng	30,359,372,685	4,121,722,392
<b>Cộng</b>	<b>30,756,033,584</b>	<b>4,360,629,326</b>

### 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2015	31/12/2014
Công ty CP Sách TBTH Bình Dương	5,056,461,073	419,568,154
Các đối tượng khác	53,380,784,339	10,591,569,421
<b>Cộng</b>	<b>58,437,245,412</b>	<b>11,011,137,575</b>

### 7. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Ông Đỗ Thành Lâm	-	30.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	16.560.309.182	12.143.452.921
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Hà Nội (**)	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>17.560.309.182</b>	<b>12.173.452.921</b>

(\*) Cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo Hợp đồng số 01-2014/HĐVV/NXBGDVN-STBGDMN ngày 15/04/2014 kèm theo phụ lục số 01-2015/PL-HĐVV ngày 1/1/2015 và Hợp đồng số 01-2015/HĐVV/NXBGDVN-STBGDMN ngày 1/4/2015, thời hạn cho vay của 2 hợp đồng này đến 30/06/2015, lãi suất: 8%/năm, trường hợp lãi suất thay đổi sẽ có văn bản thỏa thuận giữa các bên.

(\*\*) Cho Công ty CP Dịch vụ xuất bản Hà Nội vay theo Hợp đồng số 01/HĐVV ngày 20/01/2015, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày kí, lãi suất: 8%/năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 8. Các khoản phải thu khác

	30/6/2015	31/12/2014
Lãi dự thu		2,433,334
Phải thu Bảo hiểm xã hội	40,686,073	36,368,921
Phải thu người lao động thuế TNCN	663,092,224	741,540,013
Ký cược, ký quỹ	90,000,073	90,658,518
Tạm ứng	16,000,000	20,000,000
Phải thu khác	19,800,000	25,270,000
<b>Cộng</b>	<b>829,578,370</b>	<b>916,270,786</b>

### 9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/6/2015	31/12/2014
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn từ 6tháng - 12 tháng	-654,870,003	
<b>Cộng</b>	<b>-654,870,003</b>	<b>0</b>

### 10. Hàng tồn kho

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1,226,155,476		1,075,860,122	
Công cụ dụng cụ			3,390,000	
Chi phí sx, kd dở dang	1,489,764,326		1,292,374,251	
Thành phẩm	5,131,909,144		4,510,684,442	
Hàng hóa	33,345,574,198	201,051,970	15,021,289,433	201,051,970
Hàng đi gửi bán	12,134,074		64,398,598	
<b>Cộng</b>	<b>39,979,381,742</b>	<b>201,051,970</b>	<b>21,967,996,846</b>	<b>201,051,970</b>

### 11. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2015	31/12/2014
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	66,496,662	53,933,753
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xe	52,385,000	
<b>Cộng</b>	<b>118,881,662</b>	<b>53,933,753</b>

### 12. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	SDDK	Số phải nộp trong kì	Số thực nộp trong kỳ	SDCK
Thuế TNCN CBCNV	94,063,961	332,580,654	500,526,115	-73,881,500
<b>Cộng</b>	<b>94,063,961</b>	<b>332,580,654</b>	<b>500,526,115</b>	<b>-73,881,500</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 13. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

	30/6/2015	31/12/2014
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	737,500,193	781,885,017
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm		8,694,085
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	3,459,390	8,168,971
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn từ 6tháng - 12 tháng		
<b>Cộng</b>	<b>740,959,583</b>	<b>798,748,073</b>

### 14. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	291.519.000	2.124.700.182	412.443.214	2.828.662.396
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>291.519.000</b>	<b>2.124.700.182</b>	<b>412.443.214</b>	<b>2.828.662.396</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu kỳ	290.537.926	1.574.811.936	400.943.215	2.266.293.077
Khấu hao trong kỳ	981.074	141.761.168	5.750.000	148.492.242
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>291.519.000</b>	<b>1.716.573.104</b>	<b>406.693.215</b>	<b>2.414.785.319</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	981.074	549.888.246	11.499.999	562.369.319
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>408.127.078</b>	<b>5.749.999</b>	<b>413.877.077</b>

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 1.093.462.214 đồng.

Không có Tài sản cố định nào đang cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2015.

### 15. Tài sản cố định vô hình

	Trang web công ty VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	34.000.000	34.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>34.000.000</b>	<b>34.000.000</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu kỳ	34.000.000	34.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>34.000.000</b>	<b>34.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 16. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	30/06/2015		31/12/2014	
				Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
					Giá trị hợp lý		Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>							
- Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Đang hoạt động	35%	35%	1.229.000.000	-	-	-
- Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa Vũng Tàu	Đang hoạt động	21%	21%	2.100.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>				<b>3.329.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.329.000.000</b>	<b>-</b>

- Báo cáo tài chính (trước kiểm toán) của các Công ty nhận đầu tư có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

- Do có phiếu của các công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 17. Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2015	31/12/2014
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	71,440,347	24,704,073
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	52,995,081	133,982,828
<b>Cộng</b>	<b>124,435,428</b>	<b>158,686,901</b>

### 18. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2015	31/12/2014
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	79,179,834,608	2,405,840,751
Các đối tượng khác	13,293,776,104	7,535,980,762
<b>Cộng</b>	<b>87,473,610,712</b>	<b>9,941,821,513</b>

### 19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty Cổ phần Sách và TBTH Đồng Nai	5.750.323.646	-
Công ty Cổ Phần Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	808.799.219	-
Các đối tượng khác	174.486.662	264.123.563
<b>Cộng</b>	<b>6.733.609.527</b>	<b>264.123.563</b>

### 20. Thuế và các khoản nộp Nhà nước

	SDĐK	Số phải nộp trong kì	Số thực nộp trong kỳ	SDCK
Thuế giá trị gia tăng	193,153,467	289,656,965	482,810,432	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	395,384,434	1,208,775,752	369,710,082	1,234,450,104
Thuế TNCN (vãng lai)	24,512,184	194,820,961	214,449,352	4,883,793
Thuế TNCN CBCNV (**) )	94,063,961			
<b>Cộng</b>	<b>707,114,046</b>	<b>1,693,253,678</b>	<b>1,066,969,866</b>	<b>1,239,333,897</b>

(\*) Công ty điều chỉnh thuế TNDN năm 2014 tăng 25.674.352 đồng theo biên bản làm việc ban đầu với kiểm toán nhà nước ( Chưa có biên bản chính thức)

(\*\*) Số dư nợ Thuế TNCN CBCNV là: 73,881,500 đồng nên được thể hiện tại mục 12 “Thuế và các khoản phải thu Nhà nước”

### 21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2015	31/12/2014
Chiết khấu thanh toán nhanh	1,103,341,722	309,741,413
Chi phí vận chuyển sách	1,101,371,206	
Chi phí thuê nhà, thuê kho	435,545,454	
Chi phí bản thảo, nhuận bút tác giả (*)	1,964,822,445	1,560,943,579
Chi phí kiểm toán	25,000,000	50,000,000
<b>Cộng</b>	<b>4,630,080,827</b>	<b>1,920,684,992</b>

(\*) Công ty điều chỉnh Chi phí bản thảo, nhuận bút tác giả năm 2014 giảm 116.701.598 đồng theo biên bản làm việc ban đầu với kiểm toán nhà nước ( Chưa có biên bản chính thức)

### 22. Phải trả ngắn hạn khác

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2015	31/12/2014
Tài sản thừa chờ giải quyết	29.441.312	29.441.312
Kinh phí công đoàn	40.341.286	121.155.724
Hoa hồng môi giới	13.249.182	431.045.419
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
Phải trả khác	1.705.500	8.783.790
<b>Cộng</b>	<b>104.737.280</b>	<b>610.426.245</b>

**23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đầu kỳ
Công ty CP Sách-TBTH Bình Thuận	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Sách-TBTH Bà Rịa-Vũng Tàu	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-
Công ty CP Sách-TBTH Đắk Lắk	11.408.043.357	11.485.000.000	76.956.643	-
<b>Cộng</b>	<b>11.408.043.357</b>	<b>13.485.000.000</b>	<b>3.076.956.643</b>	<b>1.000.000.000</b>

**24. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2014	44,050,000,000		4,383,874,330	955,808,797
Tăng trong năm (*)		-200,000,000	936,238,452	6,663,677,802
Giảm trong năm				1,922,136,038
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>44,050,000,000</b>	<b>-200,000,000</b>	<b>5,320,112,782</b>	<b>5,697,350,561</b>
Số dư tại 01/01/2015	44,050,000,000	-200,000,000	5,320,112,782	5,697,350,561
Tăng trong năm				3,932,592,822
Giảm trong năm				5,851,900,000
<b>Số dư tại 30/06/2015</b>	<b>44,050,000,000</b>	<b>-200,000,000</b>	<b>5,320,112,782</b>	<b>3,778,043,383</b>

(\*) Công ty điều chỉnh lợi nhuận sau thuế năm 2014 tăng 91.027.246 đồng theo biên bản làm việc ban đầu với kiểm toán nhà nước ( Chưa có biên bản chính thức)

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2015	31/12/2014
Vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.400.000.000	23.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	20.450.000.000	20.450.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>44.050.000.000</b>	<b>44.050.000.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### c. Cổ phiếu

	30/06/2015 Cổ phiếu	31/12/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	20.000	20.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000	20.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.385.000	4.385.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.385.000	4.385.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/6/2015	31/12/2014
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	5,697,350,561	955,808,797
Lợi nhuận sau thuế TNDN kì này (*)	3,932,592,822	6,663,677,802
Phân phối lợi nhuận sau thuế (**)	<b>5,851,900,000</b>	<b>1,922,136,038</b>
Phân phối lợi nhuận sau thuế kì trước	<b>5,262,000,000</b>	<b>278,973,396</b>
- Quỹ đầu tư phát triển		139,486,698
- Quỹ dự phòng tài chính		139,486,698
- Quỹ KT, PL, quỹ thưởng Ban điều hành		
- Trả cổ tức cho cổ đông	5,262,000,000	
Tạm phân phối lợi nhuận kì này (***)	<b>589,900,000</b>	<b>1,643,162,642</b>
- Quỹ đầu tư phát triển		328,632,528
- Quỹ dự phòng tài chính		328,632,528
- Quỹ KT, PL, quỹ thưởng Ban điều hành	589,900,000	985,897,586
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<b>3,778,043,383</b>	<b>5,697,350,561</b>

(\*) Công ty điều chỉnh lợi nhuận sau thuế năm 2014 tăng 91.027.246 đồng theo biên bản làm việc ban đầu với kiểm toán nhà nước ( Chưa có biên bản chính thức)

(\*\*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 27/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/01/2015.

(\*\*\*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế trong năm 2015 theo Tờ trình số 274/KTTV ngày 29/06/2015 và Nghị quyết HĐQT số 05/2015/NQ-HĐQT ngày 07/07/2015.

### 25. Doanh thu

	Quý 2/2015 VND	Quý 2/2014 VND
+ Doanh thu Sách giáo khoa	192,764,001,244	175,335,053,077
+ Doanh thu Sách tham khảo	15,106,075,896	11,127,446,301
+ Doanh thu khác	1,993,606,433	2,652,510,789
<b>Cộng</b>	<b>209,863,683,573</b>	<b>189,115,010,167</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 26. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 2/2015 VND	Quý 2/2014 VND
+ Hàng bán bị trả lại	116,180,520	130,503,386
<b>Cộng</b>	<b>116,180,520</b>	<b>130,503,386</b>

### 27. Giá vốn hàng bán

	Quý 2/2015 VND	Quý 2/2014 VND
Giá vốn Sách giáo khoa	180,469,747,665	165,177,507,588
Giá vốn Sách tham khảo	8,880,810,302	6,801,491,482
Giá vốn hoạt động khác	1,706,376,393	2,196,195,366
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
<b>Cộng</b>	<b>191,056,934,360</b>	<b>174,175,194,436</b>

### 28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2/2015	Quý 2/2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	378,656,542	387,343,093
<b>Cộng</b>	<b>378,656,542</b>	<b>387,343,093</b>

### 29. Chi phí tài chính

	Quý 2/2015	Quý 2/2014
Chi phí lãi vay	227,779,178	2,133,333
Chiết khấu thanh toán nhanh	1,071,376,819	1,819,913,150
Dự phòng tổn thất đầu tư		-9,333,802
<b>Cộng</b>	<b>1,299,155,997</b>	<b>1,812,712,681</b>

### 30. Chi phí bán hàng

	Quý 2/2015	Quý 2/2014
Tiền lương nhân viên bán hàng	3,350,983,931	2,070,784,290
Chi phí vận chuyển sách	1,942,833,685	2,776,633,197
Chi phí thuê kho	363,272,727	754,009,091
Các khoản khác	1,177,406,537	838,253,868
<b>Cộng</b>	<b>6,834,496,880</b>	<b>6,439,680,446</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 2/2015	Quý 2/2014
Tiền lương	2,596,196,410	1,848,947,529
Chi phí tiếp khách, hội nghị khánh tiết	534,879,668	255,499,173
Các khoản khác	2,226,978,663	1,152,950,197
<b>Cộng</b>	<b>5,358,054,741</b>	<b>3,257,396,899</b>

### 32. Thu nhập khác

	Quý 2/2015	Quý 2/2014
Thu nhập từ bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	107,815,712	152,310,655
Thu nhập từ thanh lý vật tư	22,684,909	190,341,937
<b>Cộng</b>	<b>130,500,621</b>	<b>342,652,592</b>

### 33. Chi phí khác

	Quý 2/2015	Quý 2/2014
Chi phí bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	48,999,085	40,295,683
Giá vốn vật tư thanh lý		185,144,923
Chi phí khác	115	
<b>Cộng</b>	<b>48,999,200</b>	<b>225,440,606</b>

### 34. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành và LN sau thuế trong năm	Quý 2/2015	Quý 2/2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý 1	-555,146,402	-615,116,529
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5,659,019,038	3,188,960,869
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	353,066,664	176,822,500
Điều chỉnh tăng ( chi phí không hợp lệ)	353,066,664	235,200,000
Điều chỉnh giảm ( cổ tức nhận được)		58,377,500
Tổng thu nhập chịu thuế	5,456,939,300	3,365,783,369
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành:</b>	<b>1,200,526,646</b>	<b>740,472,341</b>
Trong đó:		
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1,200,526,646	740,472,341
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ trước vào CP thuế TNDN hiện hành kỳ này		

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 2/2015	Quý 2/2014
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4,458,492,392	3,050,762,007
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LNST	-589,900,000	
- Điều chỉnh tăng		
- Điều chỉnh giảm ( trích quỹ khen thưởng, PL, KTBDH)	589,900,000	
Lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	3,868,592,392	3,050,762,007
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3,485,000	4,394,061
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1,110</b>	<b>694</b>

### 36. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Quý 2/2015 VND	Quý 2/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2,580,917,764	2,423,021,287
Chi phí nhân công	6,117,198,969	4,143,601,915
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70,862,508	70,862,512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,771,390,725	3,428,627,374
Chi phí bằng tiền khác	2,638,236,813	2,069,685,544
	<b>14,178,606,779</b>	<b>12,135,798,632</b>

### 37. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

### 38. Quản lý rủi ro

#### Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

#### Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Tuy nhiên, trong năm Công ty chỉ phát sinh khoản vay Công ty CP Sách - TBTH Đak Lak với lãi suất ổn định nên Ban Tổng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ở mức thấp.

### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản (chủ yếu là Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh), đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Khách hàng của Công ty tương đối rộng, trải dài khắp cả nước. Tuy nhiên, các khách hàng chủ yếu là các đơn vị thành viên Nhà xuất bản và các khách hàng có mối quan hệ kinh doanh lâu dài. Bên cạnh đó, khả năng thu hồi nợ của Công ty là tương đối tốt, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>30/06/2015</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	87.473.610.712	-	87.473.610.712
Chi phí phải trả	4.801.141.204	-	4.801.141.204
Vay và nợ thuê tài chính	11.408.043.357	-	11.408.043.357
Phải trả khác	34.954.682	-	34.954.682
<b>Cộng</b>	<b>103.717.749.955</b>	<b>-</b>	<b>103.717.749.955</b>
<b>31/12/2014</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	9.941.821.513	-	9.941.821.513
Chi phí phải trả	2.037.386.590	-	2.037.386.590
Vay và nợ thuê tài chính	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Phải trả khác	459.829.209	-	459.829.209
<b>Cộng</b>	<b>13.439.037.312</b>	<b>-</b>	<b>13.439.037.312</b>

Công ty có rủi ro trong thanh khoản các khoản nợ ngắn hạn, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<b>30/06/2015</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.755.703.584	-	30.755.703.584
Phải thu khách hàng	57.032.756.826	-	57.032.756.826
Phải thu về cho vay	17.560.309.182	-	17.560.309.182
Phải thu khác	432.076.538	16.973.839.440	17.405.915.978
<b>Cộng</b>	<b>105.780.846.130</b>	<b>16.973.839.440</b>	<b>122.754.685.570</b>

<b>31/12/2014</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.360.629.326	-	4.360.629.326
Phải thu khách hàng	10.212.389.502	-	10.212.389.502
Phải thu về cho vay	12.173.452.921	-	12.173.452.921
Phải thu khác	805.612.268	16.973.839.440	17.779.451.708
<b>Cộng</b>	<b>27.552.084.017</b>	<b>16.973.839.440</b>	<b>44.525.923.457</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 39. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang	Chung công ty đầu tư

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ gồm:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	14.829.750	18.138.050
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách giáo khoa	207.233.587.245	204.220.362.657
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Sách tham khảo	39.375.000	65.625.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	87.975.300	259.666.400
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	72.144.310	175.525.520
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Sách giáo khoa	1.938.071.890	1.944.771.856
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Sách hỗ trợ, tham khảo, TBGD	2.339.947.511	1.717.753.129
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Sách giáo khoa, sách tham khảo	2.074.437.155	1.544.001.680
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	1.241.388.200	1.056.027.720
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Sách giáo khoa, sách tham khảo	52.297.850	119.906.924
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Tiền thuê mặt bằng, điện nước	2.000.000	309.411.800
<b>Bán hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cung ứng sách, Lãi cho vay	646.507.458	424.275.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách, c/k t/toán nhanh	172.000.252	154.110.120
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	3.653.521.484	3.002.947.403
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Cung ứng sách	9.822.768.013	8.113.782.500
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Cung ứng sách	17.104.453.499	9.857.036.932
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách, thiết bị giáo dục	36.879.003.920	33.166.509.220
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Cung ứng sách, thiết bị giáo dục	11.238.357.295	8.832.316.401
Công ty CP Học liệu	Cung ứng sách, thiết bị giáo dục	1.954.028.689	1.799.464.199
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Cung ứng sách, thiết bị giáo dục	-	343.211.680
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Cung ứng sách	696.959.999	1.137.869.410
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Cung ứng sách	170.868.900	208.418.900
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Cung ứng sách	453.241.012	299.874.280
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Cung ứng sách	6.138.871.984	5.033.533.730
Công ty CP Sách TBTH Bến Tre	Cung ứng sách	7.025.122.957	6.641.539.659
Công ty CP Sách TB-TH Bà Rịa - Vũng Tàu	Cung ứng sách	5.380.477.779	5.607.648.880
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang	Cung ứng sách	9.474.261.570	10.093.095.130
<b>Cho vay, thu hồi nợ vay</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cho vay ngắn hạn	10.000.000.000	15.000.000.000
	Thu hồi tiền cho vay	5.583.143.739	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cho vay ngắn hạn	1.000.000.000	1.000.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan		30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Phải thu</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Phải thu khách hàng	490,522,810	83,701,363
	Cho vay ngắn hạn	16,560,309,182	12,143,452,921
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cho vay ngắn hạn	1,000,000,000	-
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Phải thu khách hàng	5,056,461,073	419,568,154
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Phải thu khách hàng	1,890,752,885	39,832,745
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Phải thu khách hàng	346,111,877	257,011,635
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Phải thu khách hàng	962,661,011	190,460,563
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.HCM	Phải thu khách hàng	1,793,525,528	34
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Phải thu khách hàng	2,858,608,947	264,807,903
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Phải thu khách hàng	134,132,601	40,731,421
<b>Phải trả</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán	-	197,746,072
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Phải trả người bán	79,179,834,608	2,405,840,751
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Phải trả người bán	237,121,072	197,746,072
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Phải trả người bán	-	2,740,666,394
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa	Phải trả người bán	180,000,000	180,000,000
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng	Phải trả người bán	157,238,870	122,918,870
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Phải trả người bán	149,679,440	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán	93,382,800	255,407,500
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Phải trả người bán	142,163,830	-
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Phải trả người bán	1,238,071,890	-
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	Phải trả người bán	1,366,003,340	596,102,340
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Phải trả người bán	1,598,513,778	482,636,466
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Phải trả người bán	25,479,610	36,977,516

d. Các giao dịch khác

		6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Ban Giám đốc	Tiền lương	608.019.592	847.137.002
	Tiền thưởng	112.600.000	24.100.000
Hội đồng quản trị	Tiền lương	-	124.542.001
	Tiền thưởng	-	11.400.000
Ban kiểm soát	Tiền thù lao	51.333.334	73.999.998
	Tiền lương	92.359.691	192.033.750
	Tiền thưởng	11.200.000	7.700.000
	Tiền thù lao	14.166.667	21.333.332

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 40. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 7/7/2015, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã có thông báo số 698/TB-SGDHN về ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty (SMN) là ngày 14/07/2015.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

### 41. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên báo cáo tài chính đã được trình bày lại do thay đổi Chế độ kế toán doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**Tổng Giám đốc**



**Đỗ Thị Mai Anh**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2015

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Mai Hoa**

**Người lập biểu**

**Huỳnh Thị Mỹ Duyên**